

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 -8- 2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Lý Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1960. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà D, sinh năm 1960. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông H trình bày: Ông và bà D chung sống với nhau vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng tình cảm nên ông và bà D hay cãi vã nhau nên ông và bà D ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay, thời gian ly thân ông và bà D không gặp nhau bàn bạc gì cả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 26/6/1986 và cháu H1, sinh ngày 20/3/1989, hiện các cháu H và H1 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-7-2022 bà D trình bày:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông H; Về con chung: Các cháu H và H1 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản: Bà không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Ông H và bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt ông H và bà D theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà D; về con chung các cháu H và H1 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung ông H và bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung ông H và bà D khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H và bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông H và bà D chung sống với nhau vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn cho đến nay. Nên ông H có đơn yêu cầu ly hôn, bà D đồng ý. Xét thấy ông H và bà D chung sống với nhau vào năm 1985 mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn, nhưng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông H và bà D là hôn nhân thực tế. Nay ông H có đơn yêu cầu ly hôn và bà D đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà D là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông H và bà D chung sống có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 26/6/1986 và cháu H1, sinh ngày 20/3/1989, hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được. Nay ông H và bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông H và bà D không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông H và bà D khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà D. Ông H được ly hôn với bà D.

2. Về con chung: Các cháu H, sinh ngày 26/6/1986 và cháu H1, sinh ngày 20/3/1989, đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông H và bà D không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H và bà D khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Ông H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo cho ông H, bà D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài